

Thái Nguyên, ngày 15 tháng 4 năm 2025

ĐỀ NGHỊ BÁO GIÁ

**Về việc: Cung cấp hóa chất, vật tư, dụng cụ y tế phục vụ
đào tạo học kỳ II năm học 2024 - 2025 cho Khoa Răng Hàm Mặt**

Kính gửi: Các đơn vị cung cấp hóa chất, vật tư, dụng cụ y tế

Căn cứ Quyết định số 1696/QĐ-ĐHTN ngày 14/4/2025 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc phê duyệt Dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: "Mua hóa chất, vật tư, dụng cụ y tế phục vụ đào tạo học kỳ II năm học 2024 -2025 cho Khoa Răng Hàm Mặt" của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Kế hoạch số PL250080537 ngày 15/4/2025 đăng trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên tổ chức mời Quý công ty Báo giá các mặt hàng hóa chất, vật tư, dụng cụ y tế cho Khoa Răng Hàm Mặt nhằm phục vụ hoạt động đào tạo của Trường Đại học Y - Dược. Yêu cầu báo giá chi tiết kèm theo thư mời này.

Mọi thông tin chi tiết liên hệ: Phòng Tài chính - Cơ sở vật chất Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên - Địa chỉ: Số 284, đường Lương Ngọc Quyến, phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên - Điện thoại: 0208 3854 499.

Báo giá gồm: Bản chào giá và các thông tin khác của công ty

Địa chỉ nhận báo giá: Phòng Tài chính - Cơ sở vật chất Trường Đại học Y - Dược Đại học Thái Nguyên - Địa chỉ: Số 284, đường Lương Ngọc Quyến, phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Thời hạn nhận báo giá: từ ngày 15/4/2025 đến trước 15h00' ngày 17/4/2025 (trong giờ hành chính).

Cảm ơn sự quan tâm của Quý công ty.

Thái Nguyên, ngày 15 tháng 4 năm 2025



HIỆU TRƯỞNG

PSG. TS Nguyễn Tiến Dũng

Phần 1. YÊU CẦU BÁO GIÁ CHI TIẾT

Cung cấp hóa chất, vật tư, dụng cụ y tế phục vụ đào tạo học kỳ II năm học
2024 - 2025 cho Khoa Răng Hàm Mặt

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Betadin 10% (100ml)	Lọ	4,0	
2	Bộ tay khoan chậm NSK 4 lỗ EX - 203C	Chiếc	10,0	
3	Bôi trơn ống tủy RC - Cream	Tuýp	2,0	
4	Bột nhựa tự cứng số 0	Chai	4,0	
5	Cán gương nha khoa	Cái	30,0	
6	Cây nạo ngà	Cái	8,0	
7	Cocoa butter	Hộp	4,0	
8	Composite đặc Solare màu A1	Tuýp	1,0	
9	Composite đặc Solare màu A3	Tuýp	1,0	
10	Composite đặc Solare màu XA2	Tuýp	1,0	
11	Composite lỏng Nexcomp Flow màu A3	Tuýp	5,0	
12	Cortisomol	Lọ	1,0	
13	Cốc nhựa súc miệng (dây 50 cốc)	Dây	13,0	
14	Côn giấy	Hộp	1,0	
15	Chất đánh bóng Nupro	Cốc	50,0	
16	Chất hàn Fuji IX loại 5gram	Lọ	1,0	
17	Chất hàn tạm Cavition 30g	Lọ	1,0	
18	Chỉ nylon 3/0 (Hộp 12 sợi)	Hộp	4,0	
19	Chỉ tơ nha khoa dạng cuộn Oral-B (50 m)	Cuộn	2,0	
20	Chỉ thép buộc cung hàm (Số 4/0)	Cuộn	20,0	
21	Chỉ thép dạng cuộn 0,9	Cuộn	4,0	
22	Chỉ vicryl 3.0 (Hộp 12 sợi)	Hộp	3,0	
23	Chổi cước đánh bóng	Cái	78,0	
24	Chổi quét keo 100	Hộp	6,0	
25	Chun chỉnh nha liên hàm (Túi 100 cái)	Túi	6,0	
26	Dầu tay khoan 560ml	Chai	3,0	
27	Dây chun buộc liên hàm 1/8	Gói	4,0	
28	Đèn pin soi họng	Cái	10,0	
29	Enamel pro varnish	Tuýp	250,0	
30	Eugenat oxyt kẽm (500g/hộp)	Hộp	1,0	
31	Eugenol 30ml	Lọ	1,0	
32	File nội nha máy trẻ em Fanta độ thuận 4% Hộp tổng hợp size	Hộp	8,0	

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
33	Fuji IX 15g kèm bay + giấy trộn	Hộp	4,0	
34	Fuji VII (màu trắng)	Hộp	9,0	
35	Gutta (độ trơn 2%) đủ số từ 15 - 40	Hộp	40,0	
36	Giấy cắn đỏ Articulating Paper	Hộp	14,0	
37	Giấy cắn xanh Articulating Paper	Hộp	24,0	
38	Giấy lau miệng	Túi	4,0	
39	Giấy nhám mịn	Tờ	30,0	
40	Giấy nhám thô	Tờ	30,0	
41	Giấy quỳ đo pH nước bọt	Hộp	2,0	
42	Hộp đánh bóng composite super snap	Hộp	2,0	
43	Kẹp gấp nha khoa	Cái	30,0	
44	Kìm 3 chấu bẻ móc	Cái	20,0	
45	Kim bơm rửa ống tủy Coltene	Cái	20,0	
46	Kìm cắt dây thép nha khoa	Cái	20,0	
47	Kim tiêm tê nha khoa Terumo (Hộp 100 cái) 27G	Hộp	6,0	
48	Kìm uốn móc mỏ chim 1 đầu tròn, 1 đầu vuông (Kìm 139)	Cái	20,0	
49	Lá matrix nhựa (100 chiếc/ gói)	Gói	2,0	
50	Lá matrix thép (12 chiếc/1 túi)	Túi	23,0	
51	Luỡi dao mổ số 15 (Hộp 100 cái)	Hộp	1,0	
52	Mặt gương nha khoa osung	Cái	30,0	
53	Mũi phẫu thuật (loại dùng 1 lần)	Cái	100,0	
54	Mũi khoan kim cương hình ngọn lửa cổ đỏ chiều dài làm việc 3.2mm, đường kính 1.5mm	Cái	5,0	
55	Mũi khoan kim cương hình trụ đầu tròn cổ xanh chiều dài làm việc 2.2mm, đường kính 0.8mm	Cái	5,0	
56	Mũi lấy cao răng dưới nướu Woodpecker - P1 (đầu nhọn nhỏ)	chiếc	10,0	
57	Mũi mài quả dừa kim loại	Cái	10,0	
58	Mũi nạo ngà MI stainless burs Mani (vĩ 6 cây từ cỡ 1-6) - chiều dài 22mm	Vĩ	2,0	
59	Natri Chlorit 0,9% (500ml)	Chai	10,0	
60	Nồi Inox đường kính 30cm luộc dụng cụ	Cái	1,0	
61	Nước cách ly	Chai	2,0	

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
62	Nước muối sinh lý	Chai	4,0	
63	Nước nhựa tự cứng Duracryl 250ml	Chai	6,0	
64	Nhựa tự cứng đỏ, trắng	Kg	1,0	
65	Oxy già 10TT	Lọ	12,0	
66	Ông hút nước bột túi 100 ống	Túi	7,7	
67	Phim X - quang cận chớp rửa nhanh	Hộp	3,0	
68	Sò đánh bóng nupro	Cốc	10,0	
69	Tay khoan chậm đầu khuỷu W&H (Củ tay khoan)	Cái	3,0	
70	Thạch cao đá túi 1kg	kg	9,0	
71	Thạch cao thường	kg	25,0	
72	Thạch cao trắng	Kg	24,0	
73	Thám châm nha khoa	Cái	30,0	
74	Thuốc tê xanh 3% của Septodont (Scandonest)	Ống	20,0	
75	Thuốc tê lignospan 2%	Ống	308,0	
76	Thuốc tê xanh 3%	Ống	50,0	
77	Thuốc tê xịt Lidocain 10%	Lọ	3,0	
78	Trâm gai cán màu đỏ (Vi 6 cái, của Mani)	Vi	1,0	
79	Trâm gai Mani 21mm (đủ số)	Hộp	30,0	
80	Trâm gai màu cán vàng (Vi 6 cái, của mani)	Vi	1,0	
81	Xanh methylen (lọ 25g)	Lọ 25g	4,0	
82	Xốp cầm máu ổ răng	Túi	6,0	
Tổng cộng 82 mục				

Phần 2. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: _____ [ghi tên gói thầu]

- Căn cứ ____ [Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội];

- Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/2/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

- Căn cứ biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng đã được Bên giao thầu và Bên nhận thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____;

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc: Phê duyệt kết quả chỉ định thầu rút gọn của Bên giao thầu;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

BÊN GIAO THẦU (GỌI TẮT LÀ BÊN A): _____

Đại diện: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

Tài khoản: _____

Tại: _____

Mã số thuế: _____

BÊN NHẬN THẦU (GỌI TẮT LÀ BÊN B): _____

Đại diện: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

Tài khoản: _____

Tại: _____

Mã số thuế: _____

Hai bên thoả thuận ký kết hợp đồng cung cấp _____ với các nội dung sau:

Điều 1. Bên B cam kết cung cấp và lắp đặt _____ cho bên A với số lượng, chủng loại và đơn giá như thống kê ở bảng sau:

STT	Tên hàng/dịch vụ	Đơn vị	SL	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
....					
	Tổng cộng				

(Bằng chữ: _____)

Điều 2. Chất lượng và các yêu cầu kỹ thuật: Phải đảm bảo chất lượng, các yêu cầu kỹ thuật _____ khi đưa vào hoạt động đảm bảo hoạt động tốt, được đơn vị sử dụng nghiệm thu.

Điều 3. Điều kiện nghiệm thu bàn giao:

- Thời gian thực hiện hợp đồng: Trong vòng ____ ngày kể từ khi ký hợp đồng.
____ [ghi thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với quy định tại yêu cầu báo giá]
- Bên B bàn giao cho bên A đầy đủ hoá đơn, hồ sơ cần thiết cho việc thanh toán và các phụ kiện kèm theo.

Điều 4. Bảo hành:

- Thời gian bảo hành: Theo quy định của nhà sản xuất là ____ tháng.
- Địa điểm bảo hành: [Tại địa chỉ của bên giao thầu] về lỗi kỹ thuật của thiết bị cần bảo hành thì bên B phải có mặt để thực hiện bảo hành.
- Kinh phí bảo hành do bên B chịu.

Điều 5. Giá trị hợp đồng: ____ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ]

Điều 6. Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói

Điều 7. Thanh toán:

- Thanh toán: ____ [ghi phương thức thanh toán].
- Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

Điều 8. Điều khoản chung:

- Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản ghi trong hợp đồng này. Trong quá trình thực hiện, khi có vướng mắc, hai bên phải thông báo cho nhau bằng văn bản để cùng nhau giải quyết.

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký, được lập thành ____ bản, bên A giữ ____ bản bên B giữ ____ bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN BÊN B

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

